

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/02/2021

V/v: “Ly hôn và con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

Ông Nguyễn Văn Khóa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn và nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 206/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Đình H**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Cụm dân cư p, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ch**, sinh năm 1982.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Cụm dân cư p, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Malaysia.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khu dân cư P, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

(Anh H và bà M có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Ch vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Đình H trình bày:*

Anh với chị Châm kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 26 tháng 6 năm 2002 (Nay là phường T, thị xã K). Hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2008. Năm 2009 do anh H không có công việc ổn định nên đã đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc, chị Ch đã gửi 02 con chung về cho ông bà ngoại nuôi và đi lao động làm việc tại Malaysia. Giữa anh và chị Ch không còn liên lạc qua lại với nhau nữa, không ai còn quan tâm tới cuộc sống của nhau khiến tình cảm vợ chồng xa cách, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng mâu thuẫn trầm trọng. Nay anh xác định cuộc sống giữa anh và chị Ch không có hạnh phúc, đã từ lâu không ai quan tâm đến ai vì cả hai không còn tình cảm với nhau. Do vậy, anh nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho anh ly hôn chị Ch để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 06/7/2003 và Nguyễn Huy H2, sinh ngày 05/02/2008. Hiện nay cháu H1 và cháu H2 đang ở với ông bà ngoại. Khi ly hôn chị Ch có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và ủy quyền cho mẹ chị Ch là bà Trần Thị M thay mặt chị Ch nuôi dưỡng cháu H1 và cháu H2 trong thời gian chị Ch ở nước ngoài anh hoàn toàn đồng ý. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 2311/QLXNC-P5 ngày 27/01/2021 thể hiện: chị Nguyễn Thị Ch, sinh ngày 11/11/1982 tại Hải Dương, CMND số 141981669, khai địa chỉ thường trú tại: T, K, Hải Dương có thông tin xuất cảnh ngày 17/10/2010 qua cửa khẩu quốc tế Nội Bài bằng hộ chiếu số B4380549, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị Ch tại Malaysia. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã lấy lời khai của bà Trần Thị M là mẹ của chị Nguyễn Thị Ch, bà M xác nhận chị Ch vẫn thỉnh thoảng liên lạc về nhà. Tòa án yêu cầu bà M cung cấp địa chỉ của chị Ch ở Malaysia và yêu cầu chị Châm gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của anh H nhưng bà M không cung cấp được địa chỉ của chị Ch, chị Ch cũng không có văn bản gửi về. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà M đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án bà M xác định đã thông tin

cho chị Ch biết, chị Ch có quan điểm nhất trí ly hôn với anh H và nhất trí nhận nuôi 02 con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 06/07/2003 và Nguyễn Huy H2, sinh ngày 05/02/2008. Trong thời gian chị Ch ở nước ngoài chị ủy quyền cho mẹ chị là bà Trần Thị M thay mặt chị nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung. Bà M đồng ý nhận sự ủy quyền của chị Ch để nuôi dưỡng chăm sóc cháu H1 và cháu H2, về tài sản chị Ch không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử.

- Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghiên cứu hồ sơ chuẩn bị tham gia phiên tòa, Thẩm phán cơ bản đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và gửi đầy đủ các văn bản tố tụng, hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu theo quy định của BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định của pháp luật.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa.

- Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án.

- Người tham gia tố tụng cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương áp dụng Điều 56, 81, 82 Luật HN&GD năm 2014, Điều 147 BLTTDS năm 2015, Nghị quyết số 326 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đình H được ly hôn chị Nguyễn Thị Ch.

- Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Huy H2 cho chị Ch nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Ch đã ủy quyền cho mẹ đẻ là bà M chăm sóc 2 con đến khi chị về nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị Ch lao động tại Malaysia. Theo hướng dẫn công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án hai lần yêu cầu gia đình chị Ch cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do đó Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cổ tình giấu địa chỉ.

Anh H và bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Ch vắng mặt lần thứ hai. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, bà M và chị Ch.

[2]. Về Quan hệ hôn nhân:

Anh H và chị Ch được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2002 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (Nay là phường T, thị xã K) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên tính tình không hợp dẫn đến từ lâu anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Ch. Về phía chị Ch cũng đã được gia đình cho biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo đơn xin ly hôn của anh H. Chị Ch cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy đời sống chung giữa anh H và chị Ch không có, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được nay anh chị mỗi người một nơi, khoảng cách về địa lý càng khiến anh chị không thể cải thiện được cuộc sống vợ chồng nên cần giải quyết cho anh H được ly hôn chị Ch theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ là phù hợp tình hình thực tế.

[3]. Về con chung: Anh H và chị Ch có 02 con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 06/7/2003 và Nguyễn Huy H2, sinh ngày 05/02/2008. Hiện nay hai cháu đang ở với mẹ chị Ch là bà Trần Thị M. Chị Châm có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung sau khi ly hôn và ủy quyền cho bà M trong thời gian chị Ch ở nước ngoài thay mặt nuôi dưỡng chăm sóc cháu H1 và cháu H2, chị Ch tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Bà M đồng ý với sự ủy quyền của chị Ch. Anh H đồng ý với việc để 02 con chung cho chị Ch nuôi dưỡng và chăm sóc. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của các đương sự về việc giao 02 con chung cho chị Ch nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị Ch không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H không đề nghị nên HĐXX

không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Nguyễn Đình H được ly hôn chị Nguyễn Thị Ch.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị H1, sinh ngày 06/7/2003 và Nguyễn Huy H2, sinh ngày 05/02/2008 cho chị Nguyễn Thị Ch nuôi dưỡng, chăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ch không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Chấp nhận ủy quyền của chị Ch cho bà M: Tạm giao cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 06/7/2003 và Nguyễn Huy H2, sinh ngày 05/02/2008 cho bà Trần Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi chị Ch về Việt Nam.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đình H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ anh H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2018/0004765 ngày 02/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Khánh Thiện